

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1036/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng  
vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:**

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn bao gồm toàn tỉnh Bắc Kạn trên phạm vi 8 đơn vị hành chính: 01 Thành phố (Bắc Kạn); 07 huyện (Chợ Mới, Chợ Đồn, Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Na Rì, Pác Nặm), với tổng số 122 xã, phường, thị trấn.

Ranh giới lập quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn.
- Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang.
- Phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng.

Tổng diện tích tự nhiên 4.859,41 km<sup>2</sup>;

Tổng dân số năm 2013 của vùng lập quy hoạch khoảng: 305.560 người.

Mật độ dân số là 63 người/km<sup>2</sup>.

## 2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa mục tiêu quy hoạch chiến lược cấp quốc gia, quy hoạch vùng trung du miền núi phía Bắc, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, các thế mạnh về nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, năng lượng, khoáng sản, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan nhằm tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Tạo cơ sở hình thành hệ thống đô thị, phân loại, phân cấp đô thị, xác định tính chất đô thị cải tạo, xây mới, nâng cấp... lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng công nghiệp, du lịch, hệ thống hạ tầng xã hội, và các điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, du lịch... trong đó xác định các vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội theo hướng cân bằng và bền vững. Xác định khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, làm cơ sở cho việc kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia đi qua địa bàn tỉnh và lựa chọn quỹ đất hợp lý để phát triển đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, các khu chức năng khác trong vùng tỉnh.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong tỉnh, xây dựng các chương trình kế hoạch và hoạch định các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

## 3. Các yêu cầu nghiên cứu

### a) Tầm nhìn, tính chất và mục tiêu phát triển vùng

#### - Tầm nhìn

Đến năm 2035, Bắc Kạn trở thành một tỉnh miền núi phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, có an ninh chính trị ổn định, xã hội văn minh và đoàn kết các dân tộc vững chắc, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, môi trường sống văn minh, hiện đại, giàu bản sắc; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày được nâng cao;

#### - Tính chất

+ Là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

+ Là một trong những trung tâm du lịch quốc gia: Sinh thái, văn hoá, lịch sử, dân tộc vùng núi phía Đông Bắc, nổi bật với du lịch sinh thái Vườn Quốc gia hồ Ba Bể, khu di tích cách mạng ATK.

+ Là một trong những trung tâm kinh tế trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Là đầu mối trung chuyển, giao lưu kinh tế - xã hội trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Mục tiêu phát triển vùng

+ Phân đầu trở thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; sẵn sàng đáp ứng sự phân công, hợp tác, chia sẻ liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, mối quan hệ cung cầu cũng như trách nhiệm giải quyết các khó khăn và thách thức theo hướng hài hòa và bền vững.

+ Khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh của tỉnh: Về phát triển công - nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng; du lịch - dịch vụ để phát triển kinh tế.

+ Phát triển cân bằng giữa khu vực đô thị và nông thôn, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

b) Dự báo phát triển vùng

- Dự báo dân số

+ Dự kiến đến năm 2025: Dân số toàn tỉnh khoảng 33 - 35 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 20 - 25%.

+ Dự kiến đến năm 2035: Dân số toàn tỉnh khoảng 36 - 40 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30 - 35%.

(Dự báo này sẽ được cụ thể hoá trong quá trình lập quy hoạch)

- Dự báo phát triển đô thị

+ Đến năm 2035 hệ thống đô thị của tỉnh Bắc Kạn phân bố hợp lý, tăng bậc, bao gồm 01 thành phố và các thị xã, thị trấn.

+ Thành phố Bắc Kạn sẽ trở thành đô thị loại II, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá khoa học kỹ thuật của tỉnh Bắc Kạn, một thành phố tạo sức lan tỏa ảnh hưởng đến các đô thị khác trong tỉnh và trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của vùng tỉnh Bắc Kạn, tạo điều kiện cho các đô thị trong vùng phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hóa - xã hội.

+ Thực hiện tăng trưởng xanh với mức độ phát thải các-bon giảm dần, tiến tới tạo dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

+ Bảo vệ các vùng cảnh quan thiên nhiên, các vùng sản xuất, bảo vệ môi trường và sinh thái tự nhiên. Quy hoạch xây dựng phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hóa và sắc thái đặc thù của từng vùng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

c) Các dự báo phát triển vùng

Đề xuất trên cơ sở xem xét các phương án chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng và của tỉnh, nội dung dự báo nhằm xác lập tiền đề phát triển vùng, gồm:

- Dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đất đai.

- Dự báo khả năng và quá trình đô thị hóa; các hình thái phát triển theo khả năng đô thị hóa của vùng.

- Dự báo quy mô dân số đô thị, nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng và chiến lược phân bố dân cư của quốc gia cho các giai đoạn ngắn và dài hạn.

- Xác định quy mô một số vùng chức năng quan trọng (công nghiệp, du lịch...), trọng điểm đầu tư theo các giai đoạn.

- Dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do tác động của phát triển kinh tế - xã hội.

- Các dự báo thực hiện cho toàn vùng và các phân vùng, bao gồm các vấn đề về: Định hướng liên kết vùng; định hướng phát triển và phân bố dân cư, đô thị và các không gian kinh tế - xã hội; định hướng tổ chức hệ khung giao thông vùng; định hướng tổ chức cung cấp hạ tầng kỹ thuật; định hướng bảo vệ và khai thác môi trường tự nhiên.

d) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu đất xây dựng đô thị, đất xây dựng khu dân cư nông thôn, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực, tuân thủ các Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

đ) Đề xuất phân vùng phát triển (phân vùng chức năng)

Xác lập các phân vùng phát triển không gian, theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, vừa sử dụng hiệu quả các tiềm năng của địa bàn, phù hợp với phân vùng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020:

- Các phân vùng không gian xây dựng tập trung như công nghiệp lớn cấp vùng, các vùng đô thị phát triển tập trung.

- Xác định vùng đô thị hóa mạnh, các trục, hành lang đô thị hoá, các cực phát triển và quần cư đô thị hoá, xu hướng di dân.

- Các phân vùng cảnh quan phải bảo toàn gắn dịch vụ du lịch.

- Các phân vùng không gian nông lâm nghiệp, đô thị và nông thôn gắn công nghiệp vừa và nhỏ.

Sử dụng yếu tố đánh giá lồng ghép đa ngành có hiệu quả nhất trong liên kết phát triển nội, ngoại vùng. Đề xuất các đặc điểm về quy mô, tính chất, hướng phát triển chính, lựa chọn cấp độ của từng phân vùng (vùng trung tâm, vùng hỗ trợ, ảnh hưởng...).

e) Định hướng tổ chức không gian vùng

- Xác định các định hướng lớn, chiến lược phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động đến không gian vùng tỉnh Bắc Kạn.

- Đề xuất các định hướng chính và khung phát triển không gian vùng:

- + Định hướng các vùng chức năng lớn, các trục hành lang kinh tế - không gian chủ đạo, tập trung của tỉnh trên cơ sở xem xét rà soát khung giao thông hiện có và dự kiến mới.

- + Đề xuất tổ chức không gian đô thị, cơ sở hình thành, phân cấp loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị.

- + Đề xuất phân bố các khu, cụm sản xuất (công, nông, lâm nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại), các khu kinh tế tập trung: Định hướng sử dụng đất và yêu cầu tổ chức không gian, các ngưỡng phát triển về quy mô, loại hình; các khu, cụm, điểm công nghiệp gắn địa bàn đô thị, nông thôn, vùng nông - lâm nghiệp...

- + Đề xuất tổ chức không gian, hình thái, cấu trúc các điểm dân cư nông thôn.

g) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật vùng

Định hướng khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình đầu mối kỹ thuật cấp vùng, nối kết tỉnh Bắc Kạn với các vùng lân cận và đáp ứng yêu cầu phát triển nội vùng tỉnh.

- Về hệ thống giao thông

- + Khớp nối định hướng phát triển giao thông vùng, quốc gia (QL3, QL3B, QL279...) với hệ thống giao thông tỉnh Bắc Kạn; so sánh, đánh giá các phương án hướng tuyến qua địa bàn để lựa chọn phương án tối ưu. Hình thành khung giao thông hoàn chỉnh để thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

+ Phân tích mô hình phát triển và xác định các hành lang giao thông quan trọng.

+ Xác định các đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sông, bến bãi..., nhu cầu sử dụng đất các tuyến giao thông chính trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

+ Xác định mạng lưới giao thông liên vùng, đảm bảo kết nối với các trục giao thông vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Thủ đô Hà Nội.

- Về chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, cao độ nền thoát nước

+ Phân tích, đánh giá đặc điểm địa hình, địa mạo các tai biến địa chất: Động đất, sụt lún, trượt, xói lở núi, sông, suối, các nguy cơ thiên tai và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng.

+ Xác định quỹ đất thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp...

+ Đề xuất các giải pháp về phòng chống và xử lý các tai biến địa chất, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Xác định các yêu cầu về cao độ xây dựng và giải pháp san nền cho các khu vực xây dựng tập trung.

+ Xác định các giải pháp thoát nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

- Về cấp nước

+ Xác định trữ lượng nguồn nước trong vùng bao gồm: Chất lượng nguồn nước, trữ lượng và đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; cân bằng nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác nhau.

+ Xác định các chỉ tiêu và tiêu chuẩn áp dụng.

+ Dự báo tổng hợp các nhu cầu dùng nước (sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, dịch vụ ...).

+ Các phương án kinh tế kỹ thuật chọn nguồn nước và phân vùng cấp nước.

+ Xác định quy mô các công trình đầu mối, hệ thống truyền tải nước chính cấp vùng.

+ Đề xuất các giải pháp cấp nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

- + Đề xuất các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

- Về cấp điện

- + Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn cấp điện.

- + Dự báo nhu cầu sử dụng điện (sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ...).

- + Xác định nguồn điện: Các nhà máy điện, trạm biến áp nguồn phù hợp với quy hoạch chuyên ngành.

- + Các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phối điện: Xác định cơ cấu lưới điện từ 110KV trở lên, điện áp và dung lượng từng trạm biến áp từ 110KV trở lên.

- + Đề xuất các giải pháp chính về quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị.

- Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

- + Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cho hệ thống viễn thông.

- + Xác định các công trình đầu mối viễn thông cấp vùng.

- + Đề xuất các giải pháp cung cấp hệ thống viễn thông cho vùng, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành.

- + Đề xuất các giải pháp quy hoạch hệ thống viễn thông cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- + Xác định các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang theo loại đô thị.

- + Dự báo tổng khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang.

- + Đề xuất lựa chọn hệ thống thoát nước thải cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng lớn, tổ chức thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn.

- + Xác định quy mô các nhà máy xử lý nước thải, khu liên hợp xử lý chất thải rắn, nghĩa trang cấp vùng.

- h) Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo, đánh giá các tác động đối với môi trường của các phương án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, làm cơ sở lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Xác định các vấn đề môi trường vùng cần giải quyết.
- Khuyến nghị các giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong đồ án quy hoạch.

i) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư

Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển đô thị về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường đột đầu; sắp xếp danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên, yêu cầu về quy mô xây dựng, phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

Kiến nghị các cơ chế và chính sách quản lý phát triển vùng.

k) Kết luận và kiến nghị

- Các kết quả dự kiến đạt được.
- Các vướng mắc chưa thể giải quyết trong khuôn khổ đồ án và kiến nghị hướng giải quyết.
- Các kiến nghị với trung ương và địa phương.

4. Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 15 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 theo đúng quy định. Bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035.



**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Quốc phòng, Ủy ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng;
- Ủy ban Dân tộc;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTTT, các Vụ: TH, KTTH, NC, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN 4L

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**